

Số: 11/2025/QĐST-VHNGĐ

Sầm Sơn, ngày 17 tháng 02 năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN - TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 116 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ về việc dân sự thụ lý số 09/2025/TLST - VHNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*” bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Sỹ Đ - sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Viên Thị T - sinh năm 1995;

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Sỹ Đ và chị Viên Thị T kết hôn với nhau vào năm 2016, là do hai bên tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã S (Nay là thành phố S), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới nhau cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh chị không đáp ứng được với quy định tại khoản 3 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình và Điều

19 về tình nghĩa vợ chồng của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân gia đình 2014.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Sỹ Đ và chị Viên Thị T có một con chung là cháu Nguyễn Sỹ Minh Q, sinh ngày 10/11/2016. Ly hôn anh chị thống nhất giao cháu Nguyễn Sỹ Minh Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng (*Bốn triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 03/2025 đến khi cháu Q đủ tuổi thành niên. Anh Đ có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Xét việc thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh ,chị thống nhất không yêu cầu giải quyết.

4. Về lệ phí: Anh Nguyễn Sỹ Đ và chị Viên Thị T thuộc trường hợp phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 37 nghị quyết số 326 ngày 20/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án, nên anh chị thỏa thuận chị Viên Thị T nộp 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Sỹ Đ và chị Viên Thị T.

* Về con chung: Anh Nguyễn Sỹ Đ và chị Viên Thị T có một con chung là cháu Nguyễn Sỹ Minh Q, sinh ngày 10/11/2016. Giao cháu Nguyễn Sỹ Minh Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 03/2025 đến khi cháu Minh Q đủ tuổi thành niên. Anh Đ có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

* Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Viên Thị T nộp 300.000 đồng tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp

theo biên lai số 0001304 ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn – Chi T đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- Phòng GD&ĐT TA Tỉnh;
- UBND phường Q;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng